TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 145/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31/01/2018.
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhung

2. Bà Lê Thị Nhanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh - 26 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 457/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 1 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên toà số 444/2018/QĐST-DS ngày 15/01/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hà Bình N, sinh năm 1998; nơi cư trú: số 122/27/48 đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyen A, sinh năm 1992; nơi cư trú: Ranch CA 92610 USA (vắng mặt)

Có bà Nguyễn Hà Bình N - Đại diện theo uỷ quyền - trong phạm vi được nhận các thông báo, quyết định, bản án liên quan đến việc giải quyết vụ án (văn bản uỷ quyền ngày 28/6/2017 đã được hợp pháp hoá lãnh sự).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/9/2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Hà Bình N trình bày:

Bà và ông Nguyen A tự nguyện đăng ký kết hôn số 115 ngày 15/9/2016 tại Ủy ban nhân dân Quận 4 Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, ông Nguyen A trở về Mỹ sinh sống, vợ chồng không còn liên lạc với nhau, khả năng đoàn tụ không thành. Bà xác định tình cảm không còn, xin được ly hôn.

Về con chung: không có.

Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ông Nguyen A trong bản tự khai được Đại sứ quán Việt Nam tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ xác nhận chữ ký trình bày: do vợ chồng mỗi người mỗi nơi nên đôi bên không thường xuyên liên lạc, chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt, ông đề nghị cho ông bà được ly hôn. Ông xác định con chung và tài sản chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Xét về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Hà Bình N ký đơn yêu cầu được ly hôn. Khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 quy định: "Vợ chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn". Ông Nguyen A hiện đang cư trú ở nước ngoài. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Xét yêu cầu của nguyên đơn: bà Nguyễn Hà Bình N và ông Nguyen A có đăng ký kết hôn. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng do khoảng cách địa lý, sau khi kết hôn vợ chồng đã không sống chung do ông Nguyen A đã trở lại Hoa Kỳ. Khi sống xa nhau hai bên không thường xuyên liên lạc. Ông Nguyen A xác định tình cảm không còn, xin được ly hôn.

Theo văn bản uỷ quyền ngày 28/6/2017, chữ ký của ông Nguyen A đã được hợp pháp hoá lãnh sự. Nội dung ủy quyền ông đã uỷ quyền cho bà Nguyễn Hà Bình N được thay mặt ông nhận các văn bản tố tụng của Toà án.

Các văn bản về việc thụ lý vụ án, về thời gian mở phiên họp hoà giải đã được tống đạt hợp lệ nhưng ông A không có văn bản nào khác với ý kiến tại văn bản mà bà N đã cung cấp ngày 28/6/2017.

Toà án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/01/2018, thông báo thời gian mở phiên toà là ngày 15/01/2018. Ông Nguyen A có đơn xin vắng mặt. Do trong đơn này, ông A không đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên toà lần thứ 1 theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự và ấn định thời hạn mở phiên toà lần thứ hai là ngày 31/01/2018. Bà Nguyễn Hà Bình N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hôm nay, các đương sự tiếp tục vắng mặt. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Xét thấy, bà N đã cung cấp chứng cứ là các văn bản ghi ý kiến của ông A xác định vợ chồng không còn tình cảm do phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt, ông A đồng ý ly hôn; ông xác định không có con chung và không yêu cầu giải quyết về nợ chung, tài sản chung. Các văn bản này đã được hợp pháp hoá lãnh sự nên là chứng cứ có giá trị hợp pháp được công nhận theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyen A đã không có văn bản nêu ý kiến khác và cũng không đến Toà để giải quyết vụ án, đưa ra giải pháp để vợ chồng đoàn tụ. Đây là cơ sở để xác định cuộc sống chung giữa ông Nguyen A và bà Nguyễn Hà Bình N không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ khoản 1 Điều 122, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: bà N phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Căn cứ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 122, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 26; điểm 1.1, mục 1 phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Hà Bình N

a) Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Hà Bình N được ly hôn với ông Nguyen A.

Giấy chứng nhận kết hôn số 115 do Ủy ban nhân dân Quận 4 Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/9/2016 không còn giá trị pháp lý.

b) Về con chung: không có.

c) Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Hà Bình N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền bà N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2017/0047823 ngày 27/9/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Hà Bình N đã nộp đủ án phí.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Ông Nguyen Anday được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, bà Nguyễn Hà Bình N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT (T/15).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Điệp